

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM GIÁO DỤC CÔNG DÂN 11 CẢ NĂM CÓ ĐÁP ÁN

BÀI 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Câu 1: Sản xuất của cải vật chất là quá trình

- A. Tạo ra của cải vật chất.
- B. Sản xuất xã hội.
- C. Con người tác động vào tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.
- D. Tạo ra cơm ăn, áo mặc, tạo ra tư liệu sản xuất.

Câu 2: Một trong những vai trò của sản xuất của cải vật chất là

- A. Cơ sở tồn tại của xã hội.
- B. Tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần.
- C. Giúp con người có việc làm.
- D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 3: sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

- A. Mọi hoạt động của xã hội.
- B. Số lượng hàng hóa trong xã hội
- C. Thu nhập của người lao động.
- D. Việc làm của người lao động.

Câu 4: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?

- A. Kết cấu hạ tầng của sản xuất.
- B. Công cụ lao động.
- C. Hệ thống bình chứa của sản xuất.
- D. Cơ sở vật chất.

Câu 5: Yếu tố nào dưới đây giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất?

- A. Đối tượng lao động.
- B. Sức lao động.
- C. Tư liệu lao động.
- D. Máy móc hiện đại.

Câu 6: Quá trình sản xuất gồm các yếu tố nào dưới đây?

- A. Sức lao động, đối tượng lao động và lao động.
- B. Con người, lao động và máy móc.
- C. Lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- D. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

Câu 7: Yếu tố nào dưới đây là một trong những đối tượng lao động trong ngành Công nghiệp khai thác?

- A. Máy cày. B. Than.
- C. Sân bay. D. Nhà xưởng.

Câu 8: “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào dưới đây trong quá trình lao động?

- A. Đối tượng lao động.
- B. Tư liệu lao động.
- C. Sức lao động.
- D. Nguyên liệu lao động.

Câu 9: Yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động trong ngành May mặc?

- A. Máy may. B. Vải.
- C. Thợ may. D. Chỉ.

Câu 10: Yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động trong ngành Xây dựng?

- A. Xi măng. B. Thợ xây.
- C. Cái bay. D. Giàn giáo.

Câu 11: Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là

- A. Lao động. B. Người lao động
- C. Sức lao động D. Làm việc

Câu 12: Hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động là

- A. Người lao động
- B. Tư liệu lao động
- C. Tư liệu sản xuất
- D. Nguyên liệu

Câu 13: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào được gọi là

- A. Đối tượng lao động
- B. Tư liệu lao động
- C. Tài nguyên thiên nhiên
- D. Nguyên liệu

Câu 14: yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động?

- A. Không khí
- B. Sợi để dệt vải
- C. Máy cày
- D. Vật liệu xây dựng

Câu 15: Căn cứ vào cơ sở nào dưới đây để phân biệt một vài vật là đối tượng lao động hay tư liệu lao động?

- A. Mục đích sử dụng gắn với chức năng
- B. Khả năng sử dụng
- C. Nguồn gốc của vật đó
- D. Giá trị của vật đó

Câu 16: Phát triển kinh tế là

- A. Sự tăng lên về số lượng và chất lượng sản phẩm
- B. Sự tăng trưởng về kinh tế gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống
- C. Sự tăng trưởng kinh tế bền vững
- D. Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội

Câu 17: Tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội là

- A. Phát triển kinh tế
- B. Thúc đẩy kinh tế
- C. Thay đổi kinh tế
- D. Ổn định kinh tế

Câu 18: Khẳng định nào dưới đây không đúng khi nói đến ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân?

- A. Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm
- B. Phát triển kinh tế khắc phục sự tụt hậu về kinh tế
- C. Phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần
- D. Phát triển kinh tế giúp cá nhân có điều kiện chăm sóc sức khỏe

Câu 19: Đối với gia đình, phát triển kinh tế là tiền đề để

- A. Thực hiện tốt chức năng kinh tế
- B. Loại bỏ tệ nạn xã hội
- C. Đảm bảo ổn định về kinh tế
- D. Xóa bỏ thất nghiệp

Câu 20: Khẳng định nào dưới đây không đúng khi nói đến ý nghĩa của phát triển kinh tế đối ngoại với xã hội?

- A. Phát triển kinh tế là tiền đề phát triển văn hóa, giáo dục
- B. Phát triển kinh tế tạo điều kiện củng cố an ninh, quốc phòng
- C. Phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết việc làm, giảm tệ nạn xã hội
- D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định

Đáp án

câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	A	A	B	B
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	B	A	A
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	C	B	A	C	A
Câu	16	17	18	19	20

Đáp án	D	A	B	A	D
--------	---	---	---	---	---

BÀI 2: HÀNG HÓA - TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG

Câu 1: Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?

- A. Hai điều kiện
- B. Bốn điều kiện
- C. Ba điều kiện
- D. Một điều kiện

Câu 2: Hàng hóa có hai thuộc tính là

- A. Giá trị và giá cả
- B. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng
- C. Giá cả và giá trị sử dụng
- D. Giá trị và giá trị sử dụng

Câu 3: Giá trị của hàng hóa là

- A. Lao động của từng người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- B. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- C. Chi phí làm ra hàng hóa
- D. Sức lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

Câu 4: Giá trị của hàng hóa được thực hiện khi

- A. Người sản xuất cung ứng hàng hóa phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng
- B. Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán
- C. Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán và bán được
- D. Người sản xuất cung ứng được hàng hóa có nhiều giá trị sử dụng

Câu 5: Vật phẩm nào dưới đây không phải là hàng hóa?

- A. Điện
- B. Nước máy
- C. Không khí
- D. Rau trồng để bán

Câu 6: Bác B nuôi được 20 con gà. Bác để ăn 3 con, cho con gái 2 con. Số còn lại bác mang bán. Hỏi số gà của bác B có bao nhiêu con gà là hàng hóa?

- A. 5 con
- B. 20 con
- C. 15 con
- D. 3 con

Câu 7: Giá trị sử dụng của hàng hóa là

- A. Công dụng của sản phẩm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- B. Sản phẩm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- C. Cơ sở của giá trị trao đổi
- D. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

Câu 8: Giá trị trao đổi là mối quan hệ về số lượng trao đổi giữa các hàng hóa có

- A. Giá trị khác nhau
- B. Giá cả khác nhau
- C. Giá trị sử dụng khác nhau

D. Số lượng khác nhau

Câu 9: Hàng hóa có thể trao đổi được với nhau vì

- A. Chúng đều có giá trị và giá trị sử dụng
- B. Chúng đều có giá trị sử dụng khác nhau
- C. Chúng có giá trị bằng nhau
- D. Chúng đều là sản phẩm của lao động

Câu 10: Trong nền sản xuất hàng hóa, giá cả hàng hóa là

- A. Quan hệ giữa người bán và người mua
- B. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa
- C. Giá trị của hàng hóa
- D. Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận

Câu 11: Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua

- A. Giá trị trao đổi
- B. Giá trị sử dụng
- C. Chi phí sản xuất
- D. Hao phí lao động

Câu 12: Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình

- A. Lao động sản xuất hàng hóa vì cuộc sống của con người
- B. Phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị
- C. Phát triển nhanh chóng nền sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu của con người
- D. Trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị

Câu 13: Tiền thực hiện chức năng thước đo giá trị khi

- A. Tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa
- B. Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa
- C. Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch
- D. Tiền dùng để cất trữ

Câu 14: Chức năng nào dưới đây của tiền tệ đòi hỏi tiền phải là tiền bằng vàng?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 15: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Hai chức năng B. Ba chức năng
- C. Bốn chức năng D. Năm chức năng

Câu 16: Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán. Khi đó tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ

D. Phương tiện thanh toán

Câu 17: An nhận được học bổng với số tiền 5 triệu đồng. An muốn thực hiện chức năng phương tiện cất trữ của tiền tệ thì An cần làm theo cách nào dưới đây?

- A. An đưa số tiền đó cho mẹ giữ hộ
- B. An mua vàng cất đi
- C. An gửi số tiền đó vào ngân hàng
- D. An bỏ số tiền đó vào lợn đất

Câu 18: Nếu tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ để khi cần thì đem ra mua hàng là tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 19: Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 20: Tiền làm chức năng phương tiện cất trữ trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Gửi tiền vào ngân hàng
- B. Mua vàng cất vào két
- C. Mua xe ô tô
- D. Mua đô là Mĩ

Câu 21: Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định

- A. Chất lượng và số lượng hàng hóa
- B. Giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa
- C. Giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa
- D. Giá cả và số lượng hàng hóa

Câu 22: Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán
- B. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa
- C. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán
- D. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả

Câu 23: Thông tin của thị trường quan trọng như thế nào đối với người bán?

- A. Giúp người bán biết được chi phí sản xuất của hàng hóa
- B. Giúp người bán đưa ra quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận
- C. Giúp người bán điều chỉnh số lượng hàng hóa nhằm thu nhiều lợi nhuận
- D. Giúp người bán điều chỉnh số lượng và chất lượng hàng hóa để thu nhiều lợi nhuận

Câu 24: Thông tin của thị trường giúp người mua

- A. Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường
- B. Mua được hàng hóa mình cần
- C. Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa
- D. Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	B	C	C	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	C	B	A	B
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	A	C	D	D	B	C
Câu	19	20	21	22	23	24
Đáp án	B	B	D	A	B	D

BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

Câu 1: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hóa
- B. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- C. Thời gian cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- D. Chi phí để sản xuất ra hàng hóa

Câu 2: Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho

- A. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết
- B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết
- C. Lao động cá biệt nhỏ hơn lao động xã hội cần thiết
- D. Lao động cá biệt ít hơn lao động xã hội cần thiết

Câu 3: Người sản xuất vi phạm quy luật giá trị trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết
- B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết
- C. Thời gian lao động cá biệt nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết
- D. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 4: Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?

- A. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa
- B. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa

- C. Nền sản xuất hàng hóa
- D. Mọi nền sản xuất

Câu 5: Quy luật giá trị yêu cầu tổng giá trị hàng hóa sau khi bán phải bằng

- A. Tổng chi phí để sản xuất ra hàng hóa
- B. Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất
- C. Tổng số lượng hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất
- D. Tổng thời gian để sản xuất ra hàng hóa

Câu 6: Giá cả hàng hóa bao giờ cũng vận động xoay quanh trục

- A. Giá trị trao đổi
- B. Giá trị hàng hóa
- C. Giá trị sử dụng của hàng hóa
- D. Thời gian lao động cá biệt

Câu 7: Yếu tố nào dưới đây làm cho giá cả hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị của hàng hóa?

- A. Cung-cầu, cạnh tranh
- B. Nhu cầu của người tiêu dùng
- C. Khả năng của người sản xuất
- D. Số lượng hàng hóa trên thị trường

Câu 8: Quy luật giá trị điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua yếu tố nào dưới đây?

- A. Giá cả thị trường
- B. Số lượng hàng hóa trên thị trường
- C. Nhu cầu của người tiêu dùng
- D. Nhu cầu của người sản xuất

Câu 9: Quy luật giá trị có mấy tác động?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 10: Một trong những mặt tích cực của quy luật giá trị là

- A. Người sản xuất có thể sản xuất nhiều loại hàng hóa
- B. Người tiêu dùng mua được hàng hóa rẻ
- C. Người sản xuất ngày càng giàu có
- D. Kích thích lực lượng sản xuất, năng xuất lao động tăng

Câu 11: Khẳng định nào dưới đây đúng khi nói mặt hạn chế của quy luật giá trị?

- A. Phân biệt giàu-nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
- B. Làm cho giá trị hàng hóa giảm xuống
- C. Làm cho chi phí sản xuất hàng hóa tăng lên
- D. Làm cho hàng hóa phân phối không đều giữa các vùng

Câu 12: Giá cả hàng hóa trên thị trường không đổi, năng xuất lao động tăng làm cho

- A. Lượng giá trị của hàng hóa tăng và lợi nhuận tăng
- B. Lượng giá trị của một hàng hóa giảm và lợi nhuận giảm
- C. Lượng giá trị của một hàng hóa tăng và lợi nhuận giảm

D. Lượng giá trị của một hàng hóa giảm và lợi nhuận tăng

Câu 13: Điều tiết sản xuất là

- A. Phân phối lại chi phí sản xuất giữa ngành này với ngành khác
- B. Sự phân phối lại các yếu tố của quá trình sản xuất từ ngành này sang ngành khác
- C. Điều chỉnh lại số lượng hàng hóa giữa ngành này với ngành khác
- D. Điều chỉnh lại số lượng và chất lượng hàng hóa giữa các ngành

Câu 14: Nhà nước đã vận dụng quy luật giá trị như thế nào vào nước ta?

- A. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển
- B. Xóa bỏ mô hình kinh tế cũ
- C. Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- D. Để mọi cá nhân tự do sản xuất bất cứ mặt hàng nào

Câu 15: Anh A đang sản xuất mũ vải nhưng giá thấp, bán chậm. Anh A đã chuyển sang sản xuất mũ bảo hiểm vì mặt hàng này giá cao, bán nhanh. Anh A đã vận dụng tác động nào dưới đây của quy luật giá trị?

- A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển
- C. Phân hóa giữa những người sản xuất hàng hóa
- D. Tạo năng suất lao động cao hơn

Câu 16: Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh A là 1 giờ, anh B là 2 giờ, anh C là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?

- A. Anh A B. Anh B
- C. Anh C D. Anh a và anh B

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	A	B	C
Câu	5	6	7	8
Đáp án	B	B	A	A
Câu	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	D
Câu	13	14	15	16
Đáp án	B	C	A	D

BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

Câu 1: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của

- A. Cạnh tranh B. Thi đua C. Sản xuất D. Kinh doanh

Câu 2: Phương án nào dưới đây lí giải nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- A. Do nền kinh tế thị trường phát triển
B. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh
C. Do Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp phát triển
D. Do quan hệ cung-cầu tác động đến người sản xuất kinh doanh

Câu 3: Tính chất của cạnh tranh là gì?

- A. Giành giật khách hàng B. Giành quyền lợi về mình
C. Thu được nhiều lợi nhuận D. Ganh đua, đấu tranh

Câu 4: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

- A. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu B. Sự gia tăng sản xuất hàng hóa
C. Nguồn lao động dồi dào trong xã hội D. Sự thay đổi cung-cầu

Câu 5: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là

- A. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác
B. Giành uy tín tuyệt đối cho doanh nghiệp mình
C. Gây ảnh hưởng trong xã hội
D. Phục vụ lợi ích xã hội

Câu 6: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là

- A. Giành hàng hóa tối về mình
B. Giành hợp đồng tiêu thụ hàng hóa
C. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác
D. Giành thị trường tiêu thụ rộng lớn

Câu 7: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cung cầu B. Quy luật cạnh tranh
C. Quy luật lưu thông tiền tệ D. Quy luật giá trị

Câu 8: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

- A. Bảo vệ môi trường tự nhiên B. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế D. Nâng cao chất lượng cuộc sống

Câu 9: Hành vi gièm pha doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp đưa ra thông tin không trung thực thuộc loại cạnh tranh nào dưới đây?

- A. Cạnh tranh tự do B. Cạnh tranh lành mạnh
C. Cạnh tranh không lành mạnh D. Cạnh tranh không trung thực

Câu 10: Mọi sự cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các mặt tích cực là cạnh tranh

- A. Lành mạnh B. Tự do C. Hợp lí D. Công bằng

Câu 11: Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh

- A. Không lành mạnh
- B. Không bình đẳng
- C. Tự do
- D. Không đẹp

Câu 12: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Khai thác tối đa mọi quyền lực của đất nước
- B. Một số người sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
- C. Triệt tiêu các doanh nghiệp cùng ngành
- D. Thu lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác

Câu 13: Những người sản xuất kinh doanh đua nhau cải tiến máy móc hiện đại và nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động là thể hiện mặt tích cực nào dưới đây của cạnh tranh?

- A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên
- B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước
- C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế
- D. Góp phần ổn định thị trường hàng hóa

Câu 14: Việc sản xuất và kinh doanh hàng giả là mặt hạn chế nào dưới đây của cạnh tranh?

- A. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng
- B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
- C. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường
- D. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất

Câu 15: Khi phát hiện một cửa hàng chuyên tiêu thụ hàng giả, em sẽ làm theo phương án nào dưới đây?

- A. Vẫn mua hàng hóa ở đó vì giá rẻ hơn nơi khác
- B. Không đến cửa hàng đó mua hàng nữa
- C. Báo cho cơ quan chức năng biết
- D. Tự tìm hiểu về nguồn gốc số hàng giả đó

Câu 16: Ý kiến nào dưới đây không đúng khi bàn về cạnh tranh?

- A. Cạnh tranh là quy luật kinh tế khách quan
- B. Cạnh tranh có hai mặt: mặt tích cực và mặt hạn chế
- C. Mặt tích cực của cạnh tranh là cơ bản
- D. Mặt hạn chế của cạnh tranh là cơ bản

Câu 17: Loại cạnh tranh nào dưới đây là động lực của nền kinh tế?

- A. Cạnh tranh trong nội bộ ngành
- B. Cạnh tranh lành mạnh
- C. Cạnh tranh giữa các ngành
- D. Cạnh tranh giữa người bán và người mua

Câu 18: Để phân biệt cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh, cần dựa vào những tiêu chí nào dưới đây?

- A. Tính đạo đức, tính pháp luật và hệ quả
- B. Tính truyền thống, tính nhân văn và hệ quả
- C. Tính hiện đại, tính pháp luật và tính đạo đức

D. Tính đạo đức và tính nhân văn

Câu 19: Phương án nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Làm cho cung lớn hơn cầu
- B. Đầu cơ tích lũy gây rối loạn thị trường
- C. Tiền giấy khan hiếm trên thị trường
- D. Gây ra hiện tượng lạm phát

Câu 20: Cạnh tranh không lành mạnh có dấu hiệu nào dưới đây?

- A. Vi phạm truyền thống văn hóa bà quy định của Nhà nước
- B. Vi phạm văn hóa và vi phạm pháp luật
- C. Vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức
- D. Vi phạm truyền thống và văn hóa dân tộc

Câu 21: Bên cạnh những thuận lợi thì hội nhập kinh tế quốc tế cũng đem lại những khó khăn thách thức cho các doanh nghiệp, đó là

- A. Cạnh tranh ngày càng nhiều
- B. Cạnh tranh sẽ ngày càng khốc liệt
- C. Tăng cường quá trình hợp tác
- D. Nâng cao năng lực cạnh tranh

Câu 22: Mạng di động A khuyến mãi giảm 50% giá trị thẻ nạp, một tuần sau mạng B và C cũng đưa ra chương trình khuyến mãi tương tự . Hiện tượng này phản ánh quy luật nào dưới đây của thị trường?

- A. Quy luật cung cầu
- B. Quy luật cạnh tranh
- C. Quy luật lưu thông tiền tệ
- D. Quy luật giá trị

Câu 23: Hành vi xả nước thải chưa xử lí ra sông của Công ty V trong hoạt động sản xuất thể hiện mặt hạn chế nào dưới đây trong cạnh tranh?

- A. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
- B. Gây rối loạn thị trường
- C. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng
- D. Làm cho nền kinh tế bị suy thoái

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	A	A	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	C	A	A	B
Câu	13	14	15	16	17	18

Đáp án	A	B	C	D	B	A
Câu	19	20	21	22	23	
Đáp án	B	C	B	B	C	

BÀI 5: CUNG - CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

Câu 1: Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ

- A. Đang lưu thông trên thị trường
- B. Hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường
- C. Đã có mặt trên thị trường
- D. Do các doanh nghiệp sản xuất đưa ra thị trường

Câu 2: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định, tương ứng với giá cả và thu nhập được gọi là

- A. Cung
- B. Cầu
- C. Nhu cầu
- D. Thị trường

Câu 3: Biểu hiện nào dưới đây không phải là cung?

- A. Công ty sơn H hàng tháng sản xuất được 3 triệu thùng sơn để đưa ra thị trường
- B. Quần áo được bày bán ở các cửa hàng thời trang
- C. Đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị thu hoạch 10 tấn lúa để xuất khẩu
- D. Rau sạch được các hộ gia đình trồng để ăn, không bán

Câu 4: Khi nhu cầu của người tiêu dùng về mặt hàng nào đó tăng cao thì người sản xuất sẽ làm theo phương án nào dưới đây?

- A. Thu hẹp sản xuất
- B. Mở rộng sản xuất
- C. Giữ nguyên quy mô sản xuất
- D. Tái cơ cấu sản xuất

Câu 5: Giả sử cung về ô tô trên thị trường là 30.000 chiếc, cầu về mặt hàng này là 20.000 chiếc, giá cả của mặt hàng này trên thị trường sẽ

- A. Giảm
- B. Tăng
- C. Tăng mạnh
- D. Ổn định

Câu 6: Vận dụng quan hệ cung – cầu để lí giải tại sao có tình trạng “cháy vé” trong một buổi ca nhạc có nhiều ca sĩ nổi tiếng biểu diễn?

- A. Do cung = cầu
- B. Do cung > cầu
- C. Do cung < cầu
- D. Do cung, cầu rối loạn

Câu 7: Nhu cầu về mặt hàng vật liệu xây dựng tăng mạnh vào cuối năm, nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

- A. Giá vật liệu xây dựng tăng
- B. Giá vật liệu xây dựng giảm
- C. Giá cả ổn định
- D. Thị trường bão hòa

Câu 8: Ở trường hợp cung – cầu nào dưới đây thì người tiêu dùng sẽ có lợi khi mua hàng hóa ?

- A. Cung = cầu
- B. Cung > cầu
- C. Cung < cầu
- D. Cung ≤ cầu

Câu 9: Khi giá cả hàng hóa tăng lên thì cung, cầu sẽ diễn biến theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung tăng, cầu giảm
- B. Cung giảm, cầu tăng
- C. Cung tăng, cầu tăng
- D. Cung giảm, cầu giảm

Câu 10: Khi giá cả giảm thì cung, cầu sẽ diễn biến theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung tăng, cầu giảm
- B. Cung giảm, cầu tăng
- C. Cung tăng, cầu tăng
- D. Cung giảm, cầu giảm

Câu 11: Ở trường hợp cung – cầu nào dưới đây thì người sản xuất bị thiệt hại?

- A. Cung = cầu
- B. Cung > cầu
- C. Cung < cầu
- D. Cung ≤ cầu

Câu 12: Giả sử cầu về lượng bia trong dịp Tết Nguyên đán là 12 triệu lít, cung về lượng bia là 15 triệu lít. Số liệu trên phản ánh

- A. Cung = cầu
- B. Cung > cầu
- C. Cung < cầu
- D. Cung ≤ cầu

Câu 13: Cung – cầu trên thị trường bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào dưới đây?

- A. Người sản xuất
- B. Giá cả
- C. Hàng hóa
- D. Tiền tệ

Câu 14: Phương án nào dưới đây là đúng?

- A. Giá cả tăng do cung < cầu
- B. Giá cả tăng do cung > cầu
- C. Giá cả tăng do cung = cầu
- D. Giá cả tăng do cung ≤ cầu

Câu 15: Thực chất của quan hệ cung – cầu là mối quan hệ giữa các chủ thể nào dưới đây?

- A. Nhà nước với doanh nghiệp
- B. Người sản xuất với người tiêu dùng
- C. Người kinh doanh với Nhà nước
- D. Doanh nghiệp với doanh nghiệp

Câu 16: Khi cầu về mặt hàng quạt điện giảm mạnh vào mùa đông, yếu tố nào dưới đây của thị trường sẽ giảm theo?

- A. Cạnh tranh
- B. Giá trị
- C. Giá trị sử dụng
- D. Giá cả

Câu 17: Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo em, nên làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?

- A. Mẹ H
- B. Bố H
- C. Chị H
- D. Mẹ H và chị H

Câu 18: Biểu hiện nào dưới đây không phải là cầu?

- A. Anh Nam mua một chiếc xe máy bằng hình thức trả góp
- B. Bạn Lan đi siêu thị mua hàng thanh toán hết 500.000đ
- C. Bác Hùng có nhu cầu mua ô tô nhưng không đủ tiền
- D. Chị Mai cần mua một chiếc xe đạp điện với giá 15 triệu đồng

Câu 19: Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp thích hợp ?

- A. Người sản xuất B. Người tiêu dùng
C. Nhà nước D. Nhân dân

Câu 20: Những chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu?

- A. Nhà nước, người sản xuất, người tiêu dùng
B. Nhà nước, mọi công dân, mọi doanh nghiệp
C. Mọi tầng lớp nhân dân và các công ty sản xuất
D. Mọi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

Câu 21: Chủ thể nào dưới đây vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp việc sản xuất kinh doanh?

- A. Người sản xuất B. Người tiêu dùng
C. Nhà nước D. Nhân dân

Đáp án

Câu	1	2		3		4	5
Đáp án	B	B		D		B	A
Câu	6	7		8		9	10
Đáp án	C	A		B		A	B
Câu	11	12	13		14	15	
Đáp án	B	B	B		A	B	
Câu	16	17	18		19	20	21
Đáp án	D	B	C		C	A	A

BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Câu 1: Quá trình chuyển đổi từ lao động thủ công là chính sang lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí là

- A. Công nghiệp hóa
B. Hiện đại hóa
C. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
D. Tự động hóa

Câu 2: Nội dung nào dưới đây thể hiện tính tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta?

- A. Do yêu cầu phải phát triển đất nước
- B. Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước khác
- C. Do yêu cầu phải xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại, hiệu quả
- D. Do yêu cầu phải xây dựng nền kinh tế tri thức

Câu 3: Quan điểm nào dưới đây không đúng khi lí giải về tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta?

- A. Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước khác
- B. Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao
- C. Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội
- D. Do yêu cầu phải phát triển nhanh để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Câu 4: Công nghiệp hóa là gì

- A. Tất yếu khách quan đối với các nước đi lên chủ nghĩa xã hội
- B. Tất yếu khách quan đối với các nước nghèo, lạc hậu
- C. Nhu cầu của các nước kém phát triển
- D. Quyền lợi của các nước nông nghiệp

Câu 5: Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên bộ, hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế - xã hội là

- A. Công nghiệp hóa
- B. Hiện đại hóa
- C. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- D. Tự động hóa

Câu 6: Công nghệ vi sinh, kĩ thuật gen và nuôi cấy tế bào được ứng dụng ngày càng nhiều trong các lĩnh vực là biểu hiện của quá trình nào ở nước ta hiện nay?

- A. Công nghiệp hóa
- B. Hiện đại hóa
- C. Tự động hóa
- D. Trí thức hóa

Câu 7: Trong nông nghiệp, chuyển từ hình thức lao động “ con trâu đi trước, cái cày theo sau” sang lao động bằng máy móc là thể hiện quá trình nào ở nước ta hiện nay?

- A. Hiện đại hóa
- B. Nông thôn hóa
- C. Công nghiệp hóa
- D. Tự động hóa

Câu 8: Mục đích của công nghiệp hóa là

- A. Tạo ra năng suất lao động cao hơn
- B. Tạo ra một thị trường sôi động
- C. Tạo ra nhiều cơ hội hơn cho người lao động
- D. Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại

Câu 9: Ở nước ta công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa vì

- A. Công nghiệp hóa luôn gắn liền với hiện đại hóa
- B. Các nước trên thế giới đều thực hiện đồng thời hai quá trình này
- C. Nước ta thực hiện công nghiệp hóa muộn so với các nước khác
- D. Đó là nhu cầu của xã hội

Câu 10: Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

- A. Một số mặt
- B. To lớn và toàn diện
- C. Thiết thực và hiệu quả
- D. Toàn diện

Câu 11: Yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động cao hơn là một trong các nội dung của

- A. Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- B. Tình trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- C. Đặc điểm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- D. Nguyên nhân dẫn đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Câu 12: Một trong những tác động to lớn, toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là

- A. Xây dựng được nền kinh tế nhiều thành phần
- B. Con người có điều kiện phát triển toàn diện
- C. Các dân tộc trong nước đoàn kết, bình đẳng
- D. Tạo tiền đề thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế- xã hội

Câu 13: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển kinh tế tri thức là nội dung cơ bản nào dưới đây của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta ?

- A. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất
- B. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả
- C. củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa

Câu 14: Một trong những nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay là gì?

- A. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội
- B. Rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển
- C. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất
- D. Tạo ra năng suất lao động xã hội cao

Câu 15: Để xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần

- | | |
|--------------------------------|------------------------------------|
| A. Chuyển dịch lao động | B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |
| C. Chuyển đổi mô hình sản xuất | D. Chuyển đổi hình thức kinh doanh |

Câu 16: Quan điểm nào dưới đây về nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là đúng?

- A. Chuyển mạnh từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp
- B. Xây dựng một nền kinh tế tri thức toàn diện gắn với tự động hóa
- C. Phát triển mạnh mẽ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa
- D. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả

Câu 17: Giáo dục và đào tạo có vai trò nào dưới đây trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

- | | |
|---------------|-----------------------|
| A. Quyết định | B. Quốc sách hàng đầu |
| C. Quan trọng | D. Cần thiết |

Câu 18: Một trong những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay là

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội
- B. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa
- C. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa
- D. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Câu 19: Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần

- A. Phát triển kinh tế thị trường
B. Phát triển kinh tế tri thức
C. Phát triển thể chất cho người lao động
D. Tăng số lượng người lao động

Câu 20: Để xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần

- A. Thay đổi vùng kinh tế
B. Thực hiện chính sách kinh tế mới
C. Phát triển kinh tế thị trường
D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Câu 21: Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động nào dưới đây?

- A. Hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế - xã hội
B. Hoạt động nghiên cứu khoa học
C. Hoạt động chính trị - xã hội
D. Hoạt động văn hóa – xã hội

Câu 22: Phương án nào dưới đây xác định đúng trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ?

- A. Phê phán, đấu tranh với hành vi cạnh tranh không lành mạnh
B. Tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại vào sản xuất
C. Sẵn sàng tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội
D. Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hóa và sản xuất hàng hóa

Đáp án

Câu	1	2		3		4	5
Đáp án	A	B		D		A	B
Câu	6	7		8		9	10
Đáp án	B	C		A		C	B
Câu	11	12	13		14	15	16
Đáp án	A	D	A		C	B	D
Câu	17	18	19		20	21	22
Đáp án	B	D	B		D	A	B

BÀI 7: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

Câu 1: Thành phần kinh tế là

- A. Một hình thức sở hữu cơ bản về tư liệu sản xuất

- B. Kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất
- C. Các kiểu quan hệ kinh tế khác nhau trong xã hội
- D. Các kiểu tổ chức sản xuất kinh doanh khác nhau trong nền kinh tế

Câu 2: Yếu tố nào dưới đây là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

- A. Quan hệ sản xuất
- B. Sở hữu tư liệu sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất
- D. Các quan hệ trong xã hội

Câu 3: Nội dung nào dưới đây lí giải sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta?

- A. Nước ta đang trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- B. Những thành phần kinh tế cũ vẫn còn và xuất hiện thêm những thành phần kinh tế mới
- C. Do sự đòi hỏi tất yếu của nền kinh tế thị trường
- D. Do đòi hỏi tất yếu về việc xây dựng một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

Câu 4: Chính sách phát triển nền kinh tế mà Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện là gì?

- A. Kinh tế thị trường tự do cạnh tranh
- B. Kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa
- C. Kinh tế thương mại tăng cường hội nhập
- D. Kinh tế tư nhân theo hướng xã hội hóa

Câu 5: Những tiêu thương bán hàng ở chợ thuộc thành phần kinh tế nào dưới đây?

- A. Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tư nhân
- C. Kinh tế nhà nước
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 6: Nhiều người cùng góp vốn thành lập nên Hợp tác xã vận tải Đức Phúc chuyên kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách, đây là thành phần kinh tế nào dưới đây?

- A. Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tư nhân
- C. Kinh tế nhà nước
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 7: Thành phần kinh tế nào dưới đây được coi là “cầu nối” đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

- A. Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tư bản nhà nước
- C. Kinh tế nhà nước
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 8: Thành phần kinh tế nào dưới đây nắm giữ những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế?

- A. Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tư bản nhà nước
- C. Kinh tế nhà nước
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 9: Thành phần kinh tế nào dưới đây có vai trò phát huy nhanh tiềm năng về vốn, sức lao động và tay nghề?

- A. Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tư bản nhà nước
- C. Kinh tế nhà nước
- D. Kinh tế tư nhân

Câu 10: Thành phần kinh tế nào dưới đây không có trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tư nhân
- C. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- D. Kinh tế hỗn hợp

Câu 11: Kinh tế tư nhân có cơ cấu bao gồm

- A. Kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tập thể
- B. Kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân
- C. Kinh tế tập thể và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- D. Kinh tế tư bản tư nhân và tư bản nhà nước

Câu 12: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?

- A. Tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất
- B. Tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng, bảo vệ chính quyền
- C. Chủ động tìm kiếm việc làm ở các ngành nghề thuộc các thành phần kinh tế phù hợp với khả năng của bản thân
- D. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ học vấn

Câu 13: Nền kinh tế của nước ta hiện nay phát triển theo định hướng nào?

- A. Tư bản chủ nghĩa
- B. Xã hội chủ nghĩa
- C. Công nghiệp hóa
- D. Hiện đại hóa

Câu 14: Kinh tế nước ta là thành phần kinh tế

- A. Dựa trên hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất
- B. Dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất
- C. Dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất
- D. Dựa trên nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất

Câu 15: Các quỹ dự trữ quốc gia thuộc thành phần nào dưới đây ?

- A. Kinh tế tư nhân
- B. Kinh tế nhà nước
- C. Kinh tế tập thể
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 16: Nòng cốt của nền kinh tế tập thể là gì?

- A. Doanh nghiệp tư nhân
- B. Công ty cổ phần
- C. Hợp tác xã
- D. Cửa hàng kinh doanh

Câu 17: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần mang lại hiệu quả nào dưới đây?

- A. Tạo ra một thị trường sôi động
- B. Làm cho các giá trị kinh tế được phát triển
- C. Làm cho các mối quan hệ kinh tế- xã hội trở nên tốt đẹp hơn
- D. Tạo nhiều vốn, nhiều việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	B	B	B
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	C	D	D

Câu	11	12	13	14	15	16	17
Đáp án	B	C	B	C	B	C	D

BÀI 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Câu 1: Mục tiêu cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức phấn đấu xây dựng là

- A. Chủ nghĩa quốc tế
- B. Chủ nghĩa xã hội
- C. Chủ nghĩa tư bản
- D. Chủ nghĩa vô sản

Câu 2: Chủ nghĩa xã hội mà nước ta đang xây dựng có mấy đặc trưng cơ bản?

- A. Bốn đặc trưng
- B. Sáu đặc trưng
- C. Tám đặc trưng
- D. Mười đặc trưng

Câu 3: Nội dung nào dưới đây là đặc trưng cơ bản về chính trị của chủ nghĩa xã hội ở nước ta

- A. Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- B. Do dân làm chủ
- C. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- D. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công

Câu 4: Nước ta đang ở giai đoạn phát triển nào dưới đây?

- A. Chế độ cộng sản chủ nghĩa
- B. Chế độ xã hội chủ nghĩa
- C. Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Câu 5: Chủ nghĩa xã hội mà nước ta đang xây dựng là một xã hội phát triển

- A. Ưu việt hơn các xã hội trước
- B. Lợi thế hơn các xã hội trước
- C. Nhanh chóng
- D. Tự do

Câu 6: Một trong những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội pử Việt Nam là

- A. Có nền văn hóa tiến bộ, đậm đà bản sắc dân tộc
- B. Có nền văn hóa hiện đại
- C. Có di sản văn hóa vật thể và phi vật thể
- D. Có nguồn lao động dồi dào

Câu 7: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ là

- A. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- B. Điểm mới trong xã hội Việt Nam
- C. Biểu hiện của sự phát triển của các dân tộc
- D. Đặc điểm quan trọng của đất nước

Câu 8: Nguyên nhân nào dưới đây lí giải cho việc nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là hoàn toàn đúng đắn?

- A. Đi lên chủ nghĩa xã hội xóa bỏ áp lực , bóc lột
- B. Đi lên chủ nghĩa xã hội la nhu cầu của nhiều nước trên thế giới
- C. Tư bản chủ nghĩa là một chế độ còn duy trì tình trạng bóc lột

D. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội tốt đẹp và công bằng

Câu 9: Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo hình thức nào dưới đây?

- A. Quá độ trực tiếp
- B. Quá độ gián tiếp
- C. Quá độ nhảy vọt
- D. Quá độ nửa trực tiếp

Câu 10: Chủ trương “ hòa nhập nhưng không hoà tan” trong tiến trình hội nhập với văn hóa thế giới thể hiện đặc trưng cơ bản nào dưới đây của chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

- A. Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- B. Do nhân dân làm chủ
- C. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới
- D. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Câu 11: Đặc điểm nổi bật và bao trùm của thời quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là

- A. Xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh
- B. Sự tồn tại đan xen và đấu tranh lẫn nhau giữa những yếu tố của xã hội mới và những tàn dư của xã hội cũ
- C. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết
- D. Nền kinh tế phát triển với trình độ cao

Câu 12: Đời sống của nhân dân giữa những vùng, miền của đất nước còn có sự chênh lệch là đặc điểm của thời kì quá độ trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị
- B. Kinh tế
- C. Tư tưởng và văn hóa
- D. Xã hội

Câu 13: Trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, thời kì quá độ ở nước ta có đặc điểm gì dưới đây

- A. Nền văn hóa tiên bộ, đậm đà bản sắc dân tộc
- B. Quá trình hội nhập với văn hóa thế giới diễn ra mạnh mẽ
- C. Còn tồn tại nhiều loại, nhiều khuynh hướng tư tuongr, văn hóa khác nhau
- D. Các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy

Câu 14: Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là quá độ

- A. Trực tiếp
- B. Tích cực
- C. Liên tục
- D. Gián tiếp

Câu 15: Quá độ từ xã hội tiền tư bản lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là quá độ

- A. Gián tiếp
- B. Nhảy vọt
- C. Đứt quãng
- D. Không cơ bản

Câu 16: Sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng và Nhà nước ta đã lựa chọn con đường phát triển tiếp theo là đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ

- A. Tư bản chủ nghĩa
- B. Phong kiến lạc hậu
- C. Thuộc địa
- D. Nông nghiệp lạc hậu

Đáp án

Câu	1	2	3	4

Đáp án	B	C	B	C
Câu	5	6	7	8
Đáp án	A	A	A	A
Câu	9	10	11	12
Đáp án	B	D	B	D
Câu	13	14	15	16
Đáp án	C	A	A	A

BÀI 9: NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Câu 1: Nhà nước xuất hiện từ khi

- A. Con người xuất hiện
- B. Xuất hiện chế độ cộng sản nguyên thủy
- C. Mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được
- D. Phân hóa lao động

Câu 2: Nhà nước thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân là nói đến đặc điểm nào dưới đây?

- A. Tính xã hội
- B. Tính nhân dân
- C. Tính giai cấp
- D. Tính quần chúng

Câu 3: Công cụ nào dưới đây là hữu hiệu nhất để Nhà nước quản lý xã hội

- A. Kế hoạch
- B. Chính sách
- C. Pháp luật
- D. Chủ trương

Câu 4: Nhà nước pháp quyền có nghĩa là, mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân đều được thực hiện trên cơ sở

- A. Pháp luật
- B. Chính sách
- C. Dư luận xã hội
- D. Niềm tin

Câu 5: Chức năng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Trấn áp các lực lượng phá hoại
- B. Tổ chức và xây dựng
- C. Giữ gìn chế độ xã hội
- D. Duy trì an ninh quốc phòng

Câu 6: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất của giai cấp

- A. Công nhân
- B. Nông dân
- C. Tri thức
- D. Tiểu thương

Câu 7: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước

- A. Của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- B. Của riêng giaia cấp lãnh đạo
- C. Của riêng những người lao động nghèo

D. Của riêng tầng lớp tri thức

Câu 8: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội

- A. Bằng pháp luật
- B. Bằng chính sách
- C. Bằng đạo đức
- D. Bằng chính trị

Câu 9: Tính dân tộc của Nhà nước ta được thể hiện như thế nào dưới đây?

- A. Nhà nước ta là Nhà nước của các dân tộc
- B. Nhà nước chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc ở Việt Nam
- C. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng của mình
- D. Dân tộc nào cũng có chữ viết riêng

Câu 10: Tính nhân dân của Nhà nước ta thể hiện ở việc

- A. Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- B. Nhà nước ta là Nhà nước của đại gia đình các dân tộc Việt Nam
- C. Đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn
- D. Nhân dân tích cực lao động vì đất nước

Câu 11: Nhà nước ta kế thừa và pháp huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc thể hiện

- A. Tính giai cấp của Nhà nước
- B. Tính nhân dân của Nhà nước
- C. Tính dân tộc của Nhà nước
- D. Tính cộng đồng của Nhà nước

Câu 12: Khẳng định nào dưới đây không đúng về tính nhân dân của Nhà nước ta?

- A. Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân lập nên
- B. Nhà nước ta do nhân dân tham gia quản lý
- C. Nhà nước ta do nhân dân quản lý và ban hành pháp luật
- D. Nhà nước ta thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân

Câu 13: Chức năng nào dưới đây của Nhà nước ta là căn bản nhất

- A. Chức năng đảm bảo an ninh chính trị
- B. Chức năng tổ chức và xây dựng
- C. Chức năng đảm bảo trật tự, an ninh xã hội
- D. Chức năng tổ chức và giáo dục

Câu 14: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do tổ chức nào dưới đây lãnh đạo?

- A. Mặt trận Tổ quốc Việt nam
- B. Đảng Cộng sản Việt Nam
- C. Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
- D. Đoàn thanh niên Việt Nam

Câu 15: Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm của

- A. Các cơ quan
- B. Mọi công dân
- C. Nhà nước
- D. Lực lượng vũ trang

Câu 16: Trên đường đi Minh thấy một người đng cắt trộm dây cáp điện, Minh bang khoản không biết phải làm gì. Nếu là bạn của Minh, em sẽ khuyên Minh lựa chọn cách nào dưới đây cho phù hợp

- A. Làm ngơ coi như không hay biết
- B. Xông vào bắt
- C. Tránh xa để khỏi nguy hiểm
- D. Báo cho công an hoặc ủy ban nhân dân

Câu 17: Ý kiến nào dưới đây là đúng về trách nhiệm tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ?

- A. Mọi công dân đều phải có trách nhiệm tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước
- B. Chỉ cán bộ, công chức nhà nước mới có trách nhiệm tham gia xây dựng Nhà nước
- C. Xây dựng và bảo vệ nhà nước là trách nhiệm của lực lượng công an nhân dân
- D. Chỉ lực lượng quân đội nhân dân mới có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ nhà nước

Câu 18: ý kiến nào dưới đây là đúng về trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước

- A. Chỉ cán bộ, công chức Nhà nước mới có trách nhiệm xây dựng Nhà nước
- B. Học sinh cũng có trách nhiệm xây dựng Nhà nước
- C. Xây dựng nhà nước là trách nhiệm riêng của những người có chức quyền
- D. Xây dựng Nhà nước là tùy vào tính tự giác mỗi người

Câu 19: Hành vi nào dưới đây không thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Anh G không vi phạm pháp luật
- B. Anh C không tố giác tội phạm
- C. H tham gia vào đội dân quân tự vệ của phường
- D. Bác D tuyên truyền và vận động mọi người trong khu phố thực hiện tốt pháp luật

Câu 20: Anh A bị một tổ chức chuyên kích động, phá hoại an ninh đất nước mua chuộc và lôi kéo tham gia vào tổ chức đó. Nếu ở trường hợp của anh A, em sẽ chọn cách ứng xử nào dưới đây cho phù hợp?

- A. Rủ thêm một số người tham gia
- B. Báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền biết
- C. Lờ đi coi như không biết
- D. Vui vẻ tham gia vào tổ chức đó

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	B	C	A	B
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	A	A	B	A
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	C	C	B	B	B
Câu	16	17	18	19	20

Đáp án	D	A	B	B	B
--------	---	---	---	---	---

BÀI 10: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Câu 1: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ

- A. Của nhân dân lao động B. Của tất cả mọi người trong xã hội
C. Của những người lãnh đạo D. Của giai cấp công nhân

Câu 2: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ

- A. Rộng rãi nhất và triệt để nhất B. Tuyệt đối nhất
C. Hoàn bị nhất D. Phổ biến nhất trong lịch sử

Câu 3: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với

- A. Đạo đức B. Pháp luật
C. Phong tục D. Truyền thống

Câu 4: Một trong những nội dung của dân chủ trong lĩnh vực chính trị được thể hiện ở

- A. Quyền bình đẳng nam nữ B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
C. Quyền tự do kinh doanh D. Quyền tự do lựa chọn nơi ở và làm việc

Câu 5: Quyền nào dưới đây là một trong những nội dung của dân chủ trong lĩnh vực chính trị ?

- A. Quyền sáng tác văn học B. Quyền bình đẳng nam nữ
C. Quyền tự do báo chí D. Quyền lao động

Câu 6: Quyền lao động thể hiện dân chủ trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Kinh tế B. Văn hóa
C. Chính trị D. Xã hội

Câu 7: Quyền phê bình văn học thể hiện dân chủ trong lĩnh vực

- A. Văn hóa B. Giáo dục
C. Chính trị D. Xã hội

Câu 8: Quyền nào dưới đây của công dân thể hiện dân chủ trong lĩnh vực xã hội?

- A. Quyền được thông tin B. Quyền được hưởng bảo hiểm xã hội
D. Quyền khiếu nại C. Quyền tham gia quản lý nhà nước

Câu 9: Khẳng định nào dưới đây không đúng về nội dung của dân chủ trong lĩnh vực chính trị?

- A. Công dân có quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước
B. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
C. Công dân có quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân

Câu 10: Quyền nào dưới đây thể hiện dân chủ trong lĩnh vực văn hóa

- A. Quyền được đảm bảo về mặt tinh thần khi không còn khả năng lao động
B. Quyền được hưởng lợi ích từ sáng tạo nghệ thuật của mình
C. Quyền tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước
D. Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí

Câu 11: Khẳng định nào dưới đây đúng về nội dung dân chủ trong lĩnh vực văn hóa?

- A. Công dân được tham gia vào đời sống văn hóa
B. Công dân được kiến nghị với các cơ quan nhà nước

- C. Công dân bình đẳng về công hiến và hưởng thụ
D. Công dân tham gia vào các phong trào xã hội ở địa phương

Câu 12: Hành vi nào dưới đây không phải là dân chủ trong lĩnh vực chính trị?

- A. Nhân dân thảo luận đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật
B. Anh H tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã
C. Chị C tố cáo hành vi tham nhũng
D. Anh B tham gia vào các lễ hội ở địa phương

Câu 13: Hành vi nào dưới đây thể hiện dân chủ trong lĩnh vực văn hóa?

- A. Anh X ứng cử vào Hội đồng nhân dân phường
B. Chị B tham gia phê bình văn học
C. Anh H tham gia đóng góp ý kiến dự thảo luật
D. Chị C phát biểu ý kiến trong cuộc họp cơ quan

Câu 14: Dân chủ trực tiếp là nhân dân tham gia trực tiếp quyết định công việc của

- A. Nhà nước
B. Cá nhân
C. Công chức
D. Nhân dân

Câu 15: Hành vi nào dưới đây không phải là hình thức dân chủ trực tiếp?

- A. Ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường
B. Nhân dân tham gia thảo luận, góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp
C. Nhân dân tham gia giám sát, kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước ở địa phương
D. Đại biểu Quốc hội thay mặt nhân dân tham gia xây dựng các đạo luật

Câu 16: Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ để nhân dân bầu ra những người

- A. Đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của Nhà nước
B. Có trách nhiệm thay mặt mình quyết định các công việc chung của Nhà nước
C. Có khả năng thay mặt mình quyết định các công việc chung của Nhà nước
D. Có chuyên môn thay mặt mình quyết định các công việc chung của Nhà nước

Câu 17: Anh A tố cáo người có hành vi trộm cắp tài sản Nhà nước là thực hiện hình thức dân chủ nào dưới đây?

- A. Trực tiếp
B. Gián tiếp
C. Hợp pháp
D. Thống nhất

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	A	B	B	C
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	B	C	B

Câu	11	12	13	14	15	16	17
Đáp án	A	D	B	A	D	A	A

BÀI 11: CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Câu 1: Một trong những mục tiêu của chính sách dân số nước ta là

- A. Sớm ổn định quy mô, cơ cấu dân số
- B. Sớm ổn định quy mô, tốc độ dân số
- C. Ổn định tốc độ dân số và cơ cấu dân số
- D. Ổn định mức sinh tự nhiên

Câu 2: Nội dung nào dưới đây là một trong những mục tiêu của chính sách dân số nước ta ?

- A. Tuyên truyền, giáo dục biện pháp kế hoạch hóa gia đình
- B. Tổ chức tốt bộ máy làm công tác dân số
- C. Nâng cao chất lượng dân số
- D. Phát triển nguồn nhân lực

Câu 3: Nội dung nào dưới đây là một trong những phương hướng cơ bản của chính sách dân số ở nước ta?

- A. Tăng cường bộ máy Nhà nước đối với công tác dân số
- B. Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lý đối với công tác dân số
- C. Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số
- D. Phân bố dân số hợp lý

Câu 4: Phân bố dân cư hợp lý là một trong những mục tiêu của

- A. Chính sách dân số
- B. Chính sách giải quyết việc làm
- C. Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường
- D. Chính sách quốc phòng an ninh

Câu 5: Một trong những phương án để nâng cao chất lượng dân số ở nước ta là

- A. Nâng cao đời sống của nhân dân
- B. Nâng cao hiểu biết của người dân về sức khỏe sinh sản
- C. Nâng cao vai trò của gia đình
- D. Nâng cao hiệu quả của công tác dân số

Câu 6: Đảng, Nhà nước ta coi chính sách dân số là một yếu tố cơ bản để

- A. Nâng cao chất lượng cuộc sống toàn xã hội
- B. Ổn định quy mô dân số
- C. phát huy nhân tố con người
- D. giảm tốc độ tăng dân số

Câu 7 : Đảng , Nhà nước ta coi đầu tư cho công tác dân số là

- A. đúng đắn nhất để phát triển đất nước
- B. đầu tư cho phát triển bền vững

- C. Cơ sở cho phát triển kinh tế - xã hội
- D. Yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước

Câu 8: Hành vi, việc làm nào dưới đây vi phạm chính sách dân số của Đảng và Nhà nước

- A. tuyên truyền, phổ biến biện pháp kế hoạch hóa gia đình
- B. cung cấp các phương tiện tránh thai
- C. lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức
- D. cung cấp các dịch vụ dân số

Câu 9: Chất lượng dân số được đánh giá bằng yếu tố nào dưới đây?

- A. Tinh thần, niềm tin, mức sống
- B. Tinh thần, trí tuệ, di truyền
- C. Thể chất, tinh thần, nghề nghiệp
- D. Thể chất, trí tuệ, tinh thần

Câu 10: Ở nước ta, thực hiện có hiệu quả chính sách dân số là nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. ổn định mọi mặt đời sống xã hội, phát triển kinh tế
- B. Đảm bảo trật tự, an toàn xã hội
- C. Thực hiện xóa đói, giảm nghèo
- D. Thúc đẩy sản xuất phát triển

Câu 11: Nhà nước tạo điều kiện để mọi gia đình, cá nhân tự nguyện, chủ động tham gia công tác dân số nhằm mục tiêu nào dưới đây?

- A. Phổ biến rộng rãi biện pháp kế hoạch hóa gia đình
- B. Nâng cao chất lượng dân số
- C. Tăng cường vai trò lãnh đạo và quản lý mình
- D. Thực hiện xã hội hóa công tác dân số

Câu 12: Đảng và Nhà nước ta đang có chủ trương giảm tốc độ tăng dân số, bởi vì tăng dân số

- A. Ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của nhà nước
- B. ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hóa đất nước
- C. ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng
- D. ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế của đất nước

Câu 13: Mục tiêu phân bố dân cư hợp lý của chính sách dân số nước ta để

- A. Giảm sự chênh lệch lao động giữa các vùng
- B. Khai thác tiềm năng và phát huy thế mạnh của từng vùng, miền
- C. Hạn chế tập trung đông dân cư vào đô thị lớn
- D. Giảm lao động thừa ở thành thị

Câu 14: Quan niệm dân gian nào dưới đây ảnh hưởng xấu đến chính sách dân số của Nhà nước?

- A. Con hơn cha là nhà có chức
- B. Một giọt máu đào hơn ao nước lã
- C. Cha mẹ sinh con trời sinh tính
- D. Đông con hơn nhiều của

Câu 15: Nhà nước khuyến khích các cặp vợ chồng thực hiện sang lọc trước sinh và sau sinh nhằm mục đích nào dưới đây ?

- A. Lựa chọn giới tính thai nhi
- B. Góp phần nâng cao chất lượng dân số
- C. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình
- D. Sinh con theo ý muốn

Câu 16: Kế hoạch hóa gia đình là biện pháp chủ yếu để

- A. Lựa chọn tuổi con cho phù hợp
- B. Lựa chọn số con theo mong muốn của vợ chồng
- C. Hạn chế việc sinh con
- D. Điều chỉnh số con và khoảng cách sinh con

Câu 17: Gia đình bạn A có hai chị em gái nên bố mẹ bạn muốn có thêm con trai. Theo em, bạn A nên chọn cách ứng xử nào dưới đây để thể hiện trách nhiệm của công dân ?

- A. Góp ý, động viên bố mẹ chấp hành chính sách dân số
- B. Không quan tâm vì đó là chuyện của bố mẹ
- C. Khuyến khích bố mẹ sinh thêm em
- D. Thông báo cho chính quyền địa phương

Câu 18: Trong các biện pháp thực hiện chính sách dân số nào dưới đây, biện pháp nào tác động trực tiếp tới nhân thức của người dân?

- A. Nhà nước tăng cường đầu tư kinh phí
- B. Tranh thủ sự giúp đỡ của Liên hợp quốc
- C. Tuyên truyền, giáo dục về chính sách dân số
- D. Nhà nước chủ động xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về dân số

Câu 19: Cán bộ chuyên trách dân số xã A phát tờ rơi cho người dân về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Việc làm này thực hiện phương hướng nào dưới đây của chính sách dân số ?

- A. Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lý nhà nước đối với dân số
- B. Nâng cao hiệu quả của người dân về chính sách dân số
- C. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân về kế hoạch hóa gia đình
- D. Tạo điều kiện cho người dân chủ động tham gia thực hiện kế hoạch hóa gia đình

Câu 20: Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Q thường xuyên thực hiện giao ban với cán bộ chuyên trách các xã, thị trấn để cập nhật thông tin, nắm bắt tình hình biến động về dân số - kế hoạch hóa gia đình ở cơ sở. Việc làm này thể hiện nội dung nào dưới đây trong chính sách dân số?

- A. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về dân số
- B. Nâng cao vai trò của cán bộ dân số
- C. Tăng cường công tác lãnh đạo , quản lý đối với công tác dân số
- D. Thực hiện xã hội hóa công tác dân số

Câu 21: Vợ chồng chị M sinh được hai cô con gái nên chồng chị muốn chị sinh thêm để mong có được cậu con trai. Nhưng chị lại không muốn vì chị cho rằng dù gái hay trai chỉ hai là đủ. Nếu em là chị M, em sẽ chọn cách nào dưới đây?

- A. Nhờ bố mẹ giải thích cho chồng hiểu
- B. Giải thích cho người chồng hiểu để từ bỏ ý định sinh thêm
- C. Nhờ cán bộ dân số ở địa phương giúp đỡ

Câu 22: Khi cán bộ dân số đến một gia đình để tuyên truyền về thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nhưng họ không quan tâm và không hợp tác. Theo em, cán bộ dân số nên làm theo cách nào dưới đây?

- A. Vẫn nhiệt tình giải thích, thuyết phục họ hiểu và cộng tác
- B. Cán bộ dân số đứng dậy và ra về
- C. Mời gia đình lên Ủy ban nhân dân xã giải quyết
- D. Phê bình, kỉ luật gia đình đó

Câu 23: Một trong những mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm ở nước ta là

- A. Thúc đẩy phát triển sản xuất, dịch vụ
- B. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn
- C. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động
- D. Phát triển nguồn nhân lực

Câu 24: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm ở nước ta là

- A. Khuyến khích người lao động tự học nâng cao trình độ
- B. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật
- C. Khuyến khích đào tạo nghề cho người lao động
- D. Khuyến khích các doanh nghiệp tạo ra nhiều việc làm

Câu 25: Tình trạng thiếu việc làm ở nước ta hiện nay là

- A. Vấn đề rất bức xúc ở cả nông thôn và thành thị
- B. Nội dung quan tâm ở các thành phố lớn
- C. Điều đáng lo ngại ở các đô thị
- D. Vấn đề cần giải quyết ở khu vực đồng bằng

Câu 26: Nhà nước đã thực hiện phương hướng nào dưới đây để tạo ra nhiều việc làm?

- A. Tập trung phát triển thành phần kinh tế nhà nước
- B. Tập trung phát triển thành phần kinh tế tư nhân
- C. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển
- D. Khuyến khích thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 27: Ở nước ta hiện nay, khái niệm việc làm được hiểu như thế nào?

- A. Mọi hoạt động tạo ra thu nhập
- B. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh
- C. Mọi hoạt động không bị pháp luật cấm
- D. Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập, không bị pháp luật cấm

Câu 28: Nội dung nào dưới đây đúng với tình hình việc làm hiện nay ở nước ta

- A. Tạo được nhiều việc làm cho người lao động
- B. Tỷ lệ thất nghiệp thấp

- C. Thiếu việc làm cho người lao động ở thành phố lớn
- D. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn và thành thị

Câu 29: Để tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, Nhà nước ta đã có những chính sách nào dưới đây?

- A. Tập trung phát triển ngành nông nghiệp
- B. Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống
- C. Khuyến khích khai thác tài nguyên thiên nhiên
- D. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học

Câu 30: Nội dung nào dưới đây đúng với phương hướng của chính sách giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay ?

- A. Khuyến khích công dân làm giàu
- B. Mở rộng thị trường lao động
- C. Đào tạo nguồn nhân lực
- D. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động

Câu 31: Nhà nước khuyến khích khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống của nước ta nhằm mục đích gì dưới đây?

- A. Đa dạng hóa các ngành nghề
- B. Giữ gìn truyền thống dân tộc
- C. Phát huy tay nghề của người lao động
- D. Tạo ra nhiều việc làm cho người lao động

Câu 32: Huyện A có chính sách khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công của địa phương là nhằm

- A. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhà nước
- B. Khai thác nguồn vốn của người dân ở địa phương
- C. Tạo ra nhiều việc làm cho lao động địa phương
- D. Tạo thêm nhiều của cải vật chất cho xã hội

Câu 33: Biểu hiện nào dưới đây của huyện B là để giải quyết việc làm cho lao động ở địa phương ?

- A. Hỗ trợ vốn để phát triển sản xuất kinh doanh
- B. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng
- C. Thu gom và phân loại rác
- D. Đầu tư nghiên cứu máy thu hoạch rau màu

Câu 34: Giải quyết việc làm cho người lao động hiện nay ở nước ta nhằm

- A. Phát huy được tiềm năng lao động
- B. Sử dụng có hiệu quả nguồn lao động chất lượng cao
- C. Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế
- D. Huy động được nguồn vốn trong nhân dân

Câu 35: Để giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

- A. Tạo ra nhiều việc làm mới
- B. Tạo ra nhiều sản phẩm
- C. Tăng thu nhập cho người lao động
- D. Bảo vệ người lao động

Câu 36: Biện pháp nào dưới đây là thực hiện chính sách giải quyết việc làm?

- A. Mở rộng các hình thức trợ giúp người nghèo
- B. Mở rộng hệ thống trường lớp

C. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí

D. Nâng cao trình độ người lao động

Câu 37: Biện pháp nào dưới đây được nhà nước ta vận dụng để giải quyết việc làm cho người lao động trong giai đoạn này ?

A. Đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên

B. Có chính sách sản xuất kinh doanh tự do tuyệt đối

C. Tăng thuế thu nhập cá nhân

D. Kéo dài tuổi nghỉ hưu

Câu 38: Nhận định nào dưới đây đúng với chất lượng nguồn lao động nước ta hiện nay ?

A. Nguồn lao động có chất lượng cao

B. Nguồn lao động luôn đáp ứng được yêu cầu của đất nước

C. Nguồn lao động chưa qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao

D. Nguồn lao động rarat dồi dào

Câu 39: Gia đình B có nghề truyền thống làm nón, nhưng khi các bạn nhắc đến nghề đó, B luôn có thái độ không thích. Nếu là bạn của B, em sẽ chọn cách ứng xử nào dưới đây ?

A. Khuyên và góp ý với bạn phải biết tôn trọng nghề của gia đình

B. Không quan tâm đến thái độ của bạn vì đó là chuyện riêng của B

C. Đồng tình với thái độ của B

D. Tỏ thái độ không thích và không nói chuyện với bạn B

Câu 40: Anh T tốt nghiệp đại học nhưng chưa xin được việc làm. Để có thu nhập, anh đã tự tạo việc làm cho mình bằng cách mở cửa hàng kinh doanh đồ ăn, nhưng lại bị bố mẹ anh phản đối. tTheo em, anh T nên chọn cách ứng xử nào dưới đây?

A. Không quan tâm đến ý kiến của bố mẹ

B. Ngưng công việc đó để chờ xin việc thoe ngành đã được học

C. Động viên và gaiir thích cho bố mẹ hiểu để ủng hộ

D. Tìm việc làm theo yêu cầu của bố mẹ

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	A	B
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	C	D	A
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	D	A	B	D	B

Câu	16	17	18	19	20
Đáp án	D	A	C	C	C
Câu	21	22	23	24	25
Đáp án	B	A	D	B	A
Câu	26	27	28	29	30
Đáp án	C	D	D	B	D
Câu	31	32	33	34	35
Đáp án	D	C	A	A	A
Câu	36	37	38	39	40
Đáp án	D	A	C	A	C

BÀI 12: CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Câu 1: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường là?

- A. Bảo tồn đa dạng sinh học
- B. Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên
- C. Nâng cao chất lượng môi trường
- D. Bảo vệ môi trường

Câu 2: Nội dung nào dưới đây là một trong các mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ?

- A. Khai thác nhiều tài nguyên để đẩy mạnh phát triển kinh tế
- B. Sử dụng hợp lý tài nguyên
- C. Ngăn chặn tình trạng hủy hoại môi trường
- D. Áp dụng công nghệ hiện đại để xử lý chất thải

Câu 3: Một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ?

- A. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện môi trường
- B. Tăng tỉ lệ che phủ rừng, bảo vệ động thực vật
- C. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải
- D. Bảo tồn đa dạng sinh học

Câu 4: Một trong những phương hướng của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường là

- A. Xây dựng nếp sống vệ sinh
- B. Đẩy mạnh phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ môi trường
- C. Ban hành các chính sách bảo vệ môi trường

D. Thường xuyên giáo dục, xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

Câu 5: Nội dung nào dưới đây đúng với phương hướng tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay?

- A. Đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ
- B. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ
- C. Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ
- D. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Câu 6: Hoạt động nào dưới đây góp phần bảo vệ môi trường?

- A. Thu gom, phân loại, xử lí chất thải đúng nơi quy định
- B. Chôn chắt thải độc hại vào đất
- C. Đốt các loại chất thải
- D. Tái chế, sử dụng các loại chất thải

Câu 7: Nhà nước quy định mọi tài nguyên đưa vào sử dụng đều phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê là nhằm

- A. Hạn chế sử dụng tài nguyên
- B. Sử dụng hợp lí tài nguyên
- C. Tăng ngân sách nhà nước
- D. Ngăn chặn khai thác tài nguyên

Câu 8: Bảo vệ tài nguyên môi trường là trách nhiệm của

- A. Đảng và nhà nước ta
- B. Các cơ quan chức năng
- C. Mọi công dân, cơ quan, tổ chức
- D. Thế hệ trẻ

Câu 9: Nhà nước ban hành Luật Bảo vệ môi trường là việc làm nhằm mục đích

- A. Tăng cường công tác quản lí của Nhà nước về bảo vệ môi trường
- B. Xử phạt các hành vi vi phạm môi trường
- C. Xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân
- D. Thực hiện vai trò quản lí của Nhà nước đối với môi trường

Câu 10: Việc làm nào dưới đây thực hiện đúng tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ?

- A. Kinh doanh động vật hoang dã quý hiếm
- B. Sử dụng thuốc trừ sâu trong trồng trọt
- C. Dùng điện để đánh bắt thủy sản
- D. Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên

Câu 11: Để bảo tồn đa dạng sinh học, Nhà nước đã có biện pháp nào dưới đây?

- A. Giữ gìn và phát huy hệ thống các vườn quốc gia
- B. Bảo vệ rừng đầu nguồn
- C. Ngăn chặn nạn săn bắt động vật
- D. Mở rộng diện tích rừng

Câu 12: Việc làm nào dưới đây gây ô nhiễm đất ?

- A. Sử dụng nhiều phân bón hóa học trong trồng trọt
- B. Chôn chắt thải hữu cơ để làm phân bón
- C. Xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu

D. Sử dụng phân vi sinh cho cây trồng

Câu 13: Để bảo tồn đa dạng sinh học, Nhà nước ta chủ trương

- A. Giữ gìn và phát huy các vườn quốc gia
- B. Bảo vệ rừng đầu nguồn
- C. Mở rộng diện tích rừng
- D. Ngăn chặn việc săn bắt các loài động vật

Câu 14: Chị H mở nhà hàng đặc sản kinh doanh thú rừng. Việc làm của chị H là hành vi

- A. Hợp pháp, vì công dân có quyền tự do kinh doanh
- B. Kinh doanh hợp pháp, vì mang lại thu nhập chính đáng
- C. Phá hoại tài nguyên, môi trường
- D. Vi phạm Luật Bảo vệ môi trường

Câu 15: Nhà nước ta chủ trương khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nhằm mục đích

- A. Chấm dứt tình trạng khai thác bừa bãi gây lãng phí
- B. Giữ gìn, không sử dụng nguồn tài nguyên đất nước
- C. Ngăn chặn việc khai thác các loại tài nguyên
- D. Cấm các hoạt động khai thác tài nguyên

Câu 16: Hoạt động bảo vệ môi trường nào dưới đây không được khuyến khích?

- A. Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường
- B. Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải
- C. Sử dụng năng lượng sạch
- D. Chôn lấp các loại rác thải vào đất

Câu 17: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường là ?

- A. Giữ nguyên tình trạng tài nguyên, không khai thác và sử dụng
- B. Ngăn cấm các hoạt động có ảnh hưởng đến tài nguyên và môi trường
- C. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên
- D. Đưa công nghệ hiện đại vào khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường

Câu 18: Hành vi nào dưới đây không phải là hành vi bảo vệ môi trường?

- A. Quản lý chất thải
- B. Phòng, ngừa, ứng phó với sự cố môi trường
- C. Khai thác gỗ bừa bãi
- D. Phân loại rác

Câu 19: Cơ sở sản xuất A đã xây dựng dây chuyền xử lý rác thải bằng công nghệ hiện đại. Việc làm này là

- A. Áp dụng công nghệ hiện đại để xử lý rác thải
- B. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm môi trường
- C. Đổi mới trang thiết bị sản xuất
- D. Tiết kiệm chi phí trong sản xuất

Câu 20: Biện pháp nào dưới đây góp phần bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm?

- A. Chăm sóc chúng thật tốt khi nuôi nhốt làm cảnh
- B. Thả động vật lại môi trường sống của chúng

- C. Tổ chức nuôi nhốt các động vật hoang dã, quý hiếm
- D. Thu mua những động vật hoang dã, quý hiếm

Câu 21: Để bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật nghiêm cấm những hành vi nào dưới đây?

- A. Chặt phá rừng, khai thác rừng trái phép
- B. Trồng rừng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên
- C. Bảo vệ rừng đầu nguồn
- D. Mở rộng diện tích rừng

Câu 22: Chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước cho nhân dân để thực hiện mục đích nào dưới đây?

- A. Chấm dứt tình trạng khai thác rừng bừa bãi
- B. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên rừng
- C. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả
- D. Mở rộng diện tích rừng

Câu 23: Địa phương A huy động các cá nhân, tổ chức cùng tham gia thu gom rác thải hằng ngày. Việc làm này nhằm

- A. Xây dựng tinh thần đoàn kết
- B. Xây dựng nếp sống văn minh, dân chủ
- C. Phát huy sức mạnh tập thể trong bảo vệ môi trường
- D. Đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường

Câu 24: Hiện nay, một số hộ dân sống ở miền núi rẻo cao đã và đang nuôi nhốt động vật hoang dã trái phép trong những chiếc lồng, cũi sắt để làm cảnh. Nếu em gặp cnahr tượng trên , em sẽ làm gì ?

- A. Không quan tâm vì đó là việc của người lớn
- B. Khuyên họ chăm sóc chúng thật tốt
- C. Khuyên họ mang nộp cho cơ quan kiểm lâm
- D. Thu mua chúng để kinh doanh

Câu 25: Giả sử em là giám đốc công ty hóa chất X, mà chất thải do công ty em sản xuất ra rất độc hại, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nếu đầu tư hệ thống xử lý chất thải thì sẽ làm giảm lợi nhuận, em chọn cách xử lý nào dưới đây?

- A. Chấm dứt sản xuất để không gây ô nhiễm môi trường
- B. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải
- C. Vẫn tiếp tục sản xuất, không quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường
- D. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải nhưng không hoạt động

Câu 26 :Nếu phát hiện một cơ sở sản xuất ở địa phương có hành vi xả trực tiếp chất thải chưa qua xử lý ra môi trường, em sẽ

- A. Thông báo cho nhân dân địa phương biết việc làm của cơ sở sản xuất
- B. Thông báo cho chính quyền địa phương
- C. Nói cho bố mẹ biết
- D. Coi như không biết việc làm đó của cơ sở sản xuất

Câu 27 : Nếu bắt gặp một bạn đổ rác không đúng nơi quy định trong nhà trường, em sẽ chọn cách ứng xử nào sau đây ?

- A. Nhắc nhở, góp ý và hướng dẫn bạn đổ rác đúng nơi quy định
- B. Không quan tâm vì đó là việc của nhà trường
- C. Thông báo với thầy cô giáo để thầy cô phạt
- D. Báo với công an

Câu 28: Giả sử em nhìn thấy một ô tô đang vận chuyển động vật quý hiếm đi tiêu thụ, em sẽ chọn cách ứng xử nào sau đây ?

- A. Không quan tâm vì đó là việc của cơ quan kiểm lâm
- B. Báo với cơ quan kiểm lâm
- C. Lặng lẽ theo dõi việc làm của họ
- D. Ngăn chặn không cho họ vận chuyển

Câu 29: Vào dịp hè, gia đình H tổ chức đi biển. Sau khi ăn uống xong, H nhanh nhẹn nhặt rác thải của gia đình cho vào túi ni-lông rồi sau đó ném xuống biển. Em nhận xét gì về việc làm đó?

- A. Là việc làm bình thường không cần quan tâm
- B. Là việc làm cần được khuyến khích vì có ý thức bảo vệ môi trường
- C. Là việc làm thực hiện đúng quy định về vệ sinh nơi công cộng
- D. Là việc làm cần phê phán vì làm hủy hoại môi trường

Câu 30: Thấy bạn A rửa tay xà phòng rất mạnh, nước chảy tràn đầy chậu và ra ngoài, em sẽ chọn cách ứng xử nào?

- A. Không can thiệp vì đó là việc riêng của bạn
- B. Góp ý và nhắc nhở bạn nên sử dụng hợp lý
- C. Tắt ngay vòi nước vì nước chảy quá nhiều
- D. Thông báo với thầy cô giáo chủ nhiệm

Câu 31: Khi phát hiện nhà máy sản xuất phân đạm xả nước thải chưa được xử lý xuống dòng sông bên cạnh nhà máy, em sẽ?

- A. Lờ đi, coi như không biết
- B. Báo cho cơ quan công an
- C. Ngăn chặn việc xả thải ra môi trường
- D. Đến gặp giám đốc nhà máy để đe dọa

Câu 32 : Khi đi chơi công viên, em thấy một nhóm bạn xả rác bừa bãi. Em sẽ làm gì?

- A. Không can thiệp, vì đó là việc làm bình thường
- B. Nhắc nhở, góp ý với họ phải dọn và giữ gìn vệ sinh sạch sẽ
- C. Chụp ảnh và bêu xấu họ trên facebook
- D. Quát mắng cho họ sợ để họ ra khỏi công viên

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	D	D	C

Câu	6	7	8	9	10	
Đáp án	A	C	C	A	D	
Câu	11	12	13	14	15	
Đáp án	A	A	D	D	A	
Câu	16	17	18	19	20	
Đáp án	D	C	C	A	B	
Câu	21	22	23	24	25	26
Đáp án	A	C	D	C	B	B
Câu	27	28	29	30	31	32
Đáp án	A	B	D	B	B	B

BÀI 13: CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA

Câu 1: Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo ở nước ta là

- A. Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện
- B. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài
- C. Phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- D. Giữ gìn, phát triển và truyền bá văn minh nhân loại

Câu 2: Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục nhằm

- A. Đảm bảo quyền học tập suốt đời của công dân
- B. Tạo mọi điều kiện để người nghèo có cơ hội được học tập
- C. Tạo môi trường cho công dân nâng cao nhận thức
- D. Đáp ứng nhu cầu học tập của công dân

Câu 3: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách giáo dục và đào tạo ở nước ta là

- A. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài
- B. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của giáo dục và đào tạo
- C. Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa
- D. Nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ

Câu 4: Nhà nước huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục và đào tạo là thực hiện nội dung của phương hướng?

- A. Mở rộng quy mô giáo dục
- B. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục
- C. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục

D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục

Câu 5: Nhà nước tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế về giáo dục là nhằm

- A. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới
- B. Mở rộng quy mô giáo dục
- C. Đa dạng hóa các hình thức giáo dục
- D. Mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế

Câu 6: Nội dung nào dưới đây thuộc phương hướng của chính sách giáo dục và đào tạo nước ta?

- A. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế
- B. củng cố và tăng cường quan hệ với các nước
- C. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ
- D. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

Câu 7: Phát triển giáo dục là sự nghiệp của

- A. Nhà nước và của toàn dân
- B. Đảng và Nhà nước
- C. Bộ Giáo dục và Đào tạo
- D. Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo

Câu 8: Nhà nước có chính sách đúng đắn trong việc phát triển, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài là nhằm

- A. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo
- B. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục
- C. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục
- D. Mở rộng quy mô giáo dục

Câu 9: Muốn nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, chúng ta phải

- A. Thực hiện giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học
- B. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục
- C. Tăng cường hợp tác quốc tế và giáo dục
- D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục

Câu 10: Đa dạng hóa các loại hình trường lớp và các hình thức giáo dục là nội dung cơ bản của phương hướng nào dưới đây?

- A. Mở rộng quy mô giáo dục
- B. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục
- C. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục
- D. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục

Câu 11: Đảng và Nhà nước ta coi giáo dục và đào tạo là

- A. Yếu tố quyết định để phát triển đất nước
- B. Nhân tố quan trọng trong chính sách của Nhà nước
- C. Chính sách xã hội cơ bản
- D. Quốc sách hàng đầu

Câu 12: Thực hiện tốt phương hướng cơ bản của chính sách giáo dục và giáo dục sẽ góp phần vào việc

- A. Thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước
- B. Thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

C. Đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân

D. Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của đất nước

Câu 13: Phương hướng nào dưới đây của chính sách giáo dục và đào tạo mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc của sự nghiệp giáo dục nước ta?

A. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo

B. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục

C. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục

D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục

Câu 14: Để người học tiếp cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, chính sách giáo dục và đào tạo nước ta đề ra phương hướng nào dưới đây?

A. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục

B. Mở rộng quy mô giáo dục

C. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

D. Đổi mới nội dung và phương hướng dạy học

Câu 15: Nhà nước thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn là thể hiện

A. Chu trương giáo dục toàn diện

B. Công bằng xã hội trong giáo dục

C. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục

D. Sự quan tâm đến giáo dục và đào tạo

Câu 16: Nhà nước áp dụng chính sách tín dụng ưu đãi đối với sinh viên các trường cao đẳng, đại học có hoàn cảnh khó khăn là thực hiện

A. Xóa đói giảm nghèo trong giáo dục

B. Ưu tiên đầu tư giáo dục

C. Công bằng xã hội trong giáo dục

D. Xã hội hóa giáo dục

Câu 17: Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức các kì thi học sinh giỏi nhằm mục đích nào dưới đây

A. Thực hiện mục tiêu đào tạo nhân tài cho đất nước

B. Phát triển tiềm năng trí tuệ của người học

C. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước

D. Khuyến khích người học tham gia học tập

Câu 18: Nhà nước cấp ngân sách xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục qua Chương trình kiên cố hóa trường học. việc làm này thể hiện phương hướng nào dưới đây?

A. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo

B. Mở rộng quy mô giáo dục

C. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục

D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục

Câu 19: Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu nào dưới đây

A. Nâng cao dân trí

B. Đào tạo nhân tài

C. Bồi dưỡng nhân tài

D. Phát triển nhân lực

Câu 20: Nhà nước thực hiện miễn giảm học phí cho học sinh thuộc gia đình nghèo, khó khăn. Việc làm này nhằm

A. Mở rộng quy mô và đối tượng người học

- B. Ưu tiên đầu tư ngân sách của Nhà nước cho giáo dục
- C. Tạo điều kiện để ai cũng được học
- D. Đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của công dân

Câu 21: Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và đào tạo đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số là thực hiện phương hướng nào dưới đây?

- A. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo
- B. Thực hiện công bằng trong xã hội hóa giáo dục
- C. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục vùng sâu, vùng xa
- D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục

Câu 22: Nội dung nào dưới đây là thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo?

- A. Trao học bổng
- B. Quyên góp ủng hộ vì quỹ người nghèo
- C. Hưởng ứng Giờ Trái đất
- D. Tổ chức cuộc thi sáng tạo Robocon

Câu 23: Một trong những nhiệm vụ của khoa học và công nghệ ở nước ta là

- A. Góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- B. Phát triển nguồn nhân lực, cung cấp cho đất nước nguồn nhân lao động có chất lượng
- C. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước
- D. Thúc đẩy việc áp dụng tiếp bộ khoa học và công nghệ vào đời sống

Câu 24: Một trong những phương hướng của chính sách khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay?

- A. Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân
- B. Nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ
- C. Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ
- D. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

Câu 26: Một trong những nội dung để xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ ở nước ta là

- A. Coi trọng việc nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đội ngũ cán bộ khoa học
- B. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và hiệu lực thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ
- C. Có chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài
- D. Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho các hoạt động khoa học và công nghệ

Câu 27: Một trong những nội dung để tạo ra thị trường cho khoa học và công nghệ

- A. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ
- B. Thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ
- C. Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học công nghệ ứng dụng
- D. Tập trung vào nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng

Câu 28: Nội dung nào dưới đây đúng khi nói về nhiệm vụ của khoa học và công nghệ?

- A. Giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra
- B. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học
- C. Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ đời sống
- D. Tập trung phát triển lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ tiên tiến

Câu 29: Nhà nước đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ là nhằm

- A. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lý luận
- B. Tạo thị trường cho khoa học công nghệ phát triển
- C. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng về khoa học và công nghệ
- D. Nâng cao trình độ quản lý của hoạt động khoa học và công nghệ

Câu 30: Để xây dựng tiềm năng khoa học và công nghệ, Nhà nước coi trọng việc

- A. Nâng cao chất lượng, tăng số lượng đội ngũ cán bộ khoa học
- B. Đổi mới khoa học và công nghệ
- C. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao hiệu lực thi hành Luật Sở hữu trí tuệ
- D. Thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

Câu 31: Đảng và Nhà nước ta xác định vai trò của khoa học và công nghệ là

- A. Tiền đề để phát triển kinh tế đất nước
- B. Điều kiện cần thiết để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- C. Nhân tố phát huy nguồn nhân lực của đất nước
- D. Động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước

Câu 32: Để có thị trường cho khoa học và công nghệ, nước ta phải:

- A. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng
- B. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại
- C. Đầu tư ngân sách của Nhà nước vào khoa học và công nghệ
- D. Huy động các nguồn lực để phát triển khoa học và công nghệ

Câu 33: Nhà nước chủ trương đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học và công nghệ nào dưới đây?

- A. Khoa học tự nhiên, công nghệ vũ trụ
- B. Khoa học nhân văn, công nghệ thông tin
- C. Khoa học xã hội, công nghệ vật chất mới
- D. Khoa học y dược, công nghệ sinh học

Câu 34: Nhà nước đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu khoa học và công nghệ là để ?

- A. Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ
- B. Xây dựng tiềm lực cho khoa học và công nghệ
- C. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng
- D. Thúc đẩy việc chuyển giao khoa học và công nghệ

Câu 35: Để khai thác được mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, Nhà nước ta đã chu trương

- A. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ
- B. Coi trọng việc nâng cao chất lượng và tăng số lượng đội ngũ cán bộ khoa học
- C. Đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng công nghệ
- D. Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật

Câu 36: Hoạt động nào dưới đây là hoạt động khoa học và công nghệ ?

- A. Sản xuất trong các nhà máy

B. Khai thác khoáng sản

C. Trồng rừng

D. Lai tạo, cấy ghép cây trồng

Câu 37: Nhà nước ta coi trọng chính sách nào dưới đây là quốc sách hàng đầu ?

A. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

B. Giáo dục và đào tạo, văn hóa

C. Khoa học và công nghệ, quốc phòng và an ninh

D. Tài nguyên và bảo vệ môi trường, quốc phòng và an ninh

Câu 38: Anh T luôn đầu tư nghiên cứu, phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật trong sản xuất. Việc làm của anh T là thực hiện chính sách nào dưới đây?

A. Giáo dục và đào tạo

B. Khoa học và công nghệ

C. An ninh và quốc phòng

D. Tài nguyên và môi trường

Câu 39: Văn hóa có vai trò là

A. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

B. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

C. Khơi dậy tiềm năng, phát huy sức sáng tạo của con người

D. Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân

Câu 40: Tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại là

A. Tiếp thu những cái mới, cái lạ của các nước

B. Tiếp thu những thành tựu khoa học và công nghệ của các nước

C. Tiếp thu những tinh hoa về văn hóa, nghệ thuật của nhân loại

D. Tiếp thu những tư tưởng tiên bộ, thành tựu của nhân loại

Câu 41: Một trong những nhiệm vụ của văn hóa ở nước ta là

A. Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc

B. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

C. Khơi dậy tiềm năng, phát huy sức sáng tạo của con người

Câu 42: Nội dung nào dưới đây thuộc chính sách văn hóa?

A. Cải tiến máy móc sản xuất

B. Chủ động tìm kiếm thị trường

C. Phòng chống tệ nạn xã hội

D. Lưu giữ các tác phẩm văn hóa nghệ thuật

Câu 43: Đảng và Nhà nước ta coi trọng việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa của đất nước là việc làm thể hiện

A. Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc

B. Tạo điều kiện để nhân dân được tham gia các hoạt động văn hóa

C. Giữ nguyên các di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc

D. Bảo vệ những gì thuộc về dân tộc

Câu 44: Hành vi nào dưới đây không thực hiện đúng chính sách văn hóa?

A. Tổ chức các lễ hội truyền thống

B. Bảo tồn, tu bổ các di tích lịch sử

C. Phá bỏ đình chùa, đền miếu

D. Tổ chức lễ hội Hùng Vương hàng năm

Câu 45: Di sản văn hóa nào dưới đây là di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên
- B. Vịnh Hạ Long
- C. Phố cổ Hội An
- D. Cố đô Huế

Câu 46: Di sản văn hóa phi vật thể nào dưới đây ở nước ta hiện nay đã được UNESCO vinh danh

- A. Hát xoan
- B. Hát chèo
- C. Múa rối nước
- D. Hát cải lương

Câu 47: Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta cần phải

- A. Giữ nguyên các truyền thống của dân tộc
- B. Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc
- C. Ngăn chặn sự xâm phạm văn hóa của các nước
- D. Tiếp thu các nền văn hóa của nhân loại

Câu 48: Di sản văn hóa vật thể nào dưới đây ở nước ta hiện nay đã được UNESCO vinh danh?

- A. Văn hóa Quốc Tử Giám
- B. Di tích Hoàng thành Thăng Long
- C. Khu di tích Phố Hiến
- D. Cố đô Hoa Lư

Câu 49: Nội dung nào dưới đây đúng với phương hướng của chính sách văn hóa ở nước ta?

- A. Tiếp thu di sản văn hóa nhân loại
- B. Tiếp thu giá trị văn hóa nhân loại
- C. Tiếp thu truyền thống văn hóa nhân loại
- D. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Câu 50: Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc là nền văn hóa

- A. Chứa đựng tinh thần yêu nước và tiến bộ
- B. Chứa đựng những yếu tố tạo ra sức sống, bản lĩnh dân tộc
- C. Nhằm mục tiêu tất cả vì con người
- D. Chứa đựng nội dung chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Câu 51: Hành vi nào dưới đây góp phần giữ gìn, bảo vệ di sản văn hóa

- A. Phá bỏ những di sản văn hóa cũ
- B. Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ
- C. Sưu tầm di vật, cổ vật
- D. Mua bán, trao đổi trái phép bảo vật quốc gia

Câu 52: Hoạt động nào dưới đây thể hiện chính sách văn hóa?

- A. Vận động học sinh vùng sâu, vùng xa đến trường
- B. Giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn
- C. Tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ em
- D. Sáng chế công cụ sản xuất

Câu 53: Tổ chức lễ hội Đền Hùng hàng năm là việc làm thể hiện

- A. Kế thừa, phát huy lòng yêu nước của dân tộc
- B. Phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc
- C. Bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc
- D. Phát huy tiềm năng sáng tạo văn hóa của nhân dân

Câu 54: Sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, được gọi là

- A. Di sản văn hóa vật thể
- B. Di sản văn hóa phi vật thể
- C. Di tích lịch sử - văn hóa
- D. Sản phẩm văn hóa

Câu 55: Nhà nước nghiêm cấm các hành vi nào dưới đây?

- A. Khôi phục và giữ gìn các di sản văn hóa
- B. Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hóa
- C. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
- D. Tôn tạo, nghiên cứu các di tích lịch sử

Câu 55: Nhà nước nghiêm cấm các hành vi nào dưới đây?

- A. Khôi phục và giữ gìn các di sản văn hóa
- B. Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hóa
- C. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
- D. Tôn tạo, nghiên cứu các di tích lịch sử

Câu 56: Nhà nước bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc ở Việt Nam là thể hiện

- A. Chính sách giáo dục và đào tạo
- B. Chính sách văn hóa
- C. Chính sách khoa học và công nghệ
- D. Chính sách dân tộc

Câu 57: Việc làm nào dưới đây là góp phần bảo tồn di tích lịch sử?

- A. Tu bổ, phục hồi giá trị di tích lịch sử
- B. Tháo dỡ, phá hủy di tích lịch sử
- C. Cải tạo, thay thế di tích lịch sử
- D. Giữ nguyên hiện trạng di tích lịch sử

Câu 58: Nơi em ở có một số người hoạt động mê tín dị đoan như sau: bói toán, lên đồng, xóc thẻ, cúng ma, trừ tà, phù phép. Việc làm đó vi phạm chính sách nào dưới đây ?

- A. Chính sách dân số
- B. Chính sách văn hóa
- C. Chính sách an ninh và quốc phòng
- D. Chính sách giáo dục và văn hóa

Câu 59: Khi đến tham quan di tích lịch sử, nếu bắt gặp một bạn đang khắc tên mình lên di tích, em sẽ chọn cách ứng xử nào dưới đây để góp phần thực hiện chính sách văn hóa?

- A. Kêu bạn vì khắc tên lên đó là việc làm ý nghĩa
- B. Góp ý, nhắc nhở bạn nên tôn trọng, giữ gìn di tích
- C. Cùng tham gia khắc tên mình làm kỉ niệm
- D. Chụp ảnh và bêu xấu bạn đó trên facebook

Câu 60: Khi đào móng xây nhà, gia đình ông A phát hiện thấy một chiếc bình cổ. Theo em, gia đình ông A nên chọn cách làm nào dưới đây?

- A. Giữ lại để trưng bày ở gia đình
- B. Giao nộp di vật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- C. Đem bán để có tiền
- D. Cất giấu kín để không ai biết

Câu 61: Khi địa phương tiến hành tư bỏ, tôn tạo di tích lịch sử, nếu phát hiện việc làm của lãnh đạo không đúng với nội dung mà Cục Di sản văn hóa đã cho phép, em sẽ chọn cách ứng xử nào dưới đây ?

- A. Lờ đi, coi như không biết
- B. Thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- C. Thông báo cho nhân dân địa phương
- D. Đe dọa lãnh đạo địa phương

Câu 62: Khi đến Văn Miếu Quốc Tử Giám, các bạn rủ em ngồi lên hiện vật để chụp ảnh. Trong trường hợp này, em sẽ chọn cách ứng xử nào dưới đây góp phần thực hiện chính sách văn hóa?

- A. Cổ vũ việc làm đó của các bạn
- B. Đứng xem các bạn chụp ảnh
- C. Tham gia chụp ảnh làm kỉ niệm
- D. Ngăn cản các bạn không nên ngồi lên hiện vật

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	B	B	A
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	A	A	C
Câu	11	12	13	14	15
Đáp án	D	D	C	C	B
Câu	16	17	18	19	20
Đáp án	C	A	C	A	C
Câu	21	22	23	24	25
Đáp án	B	A	C	D	D
Câu	26	27	28	29	30
Đáp án	A	B	A	A	A
Câu	31	32	33	34	35
Đáp án	B	A	C	D	D

Câu	36	37		38		39	40
Đáp án	A	B		A		A	A
Câu	41	42		43		44	45
Đáp án	B	D		A		C	A
Câu	46	47		48		49	50
Đáp án	A	B		B		D	B
Câu	51	52	53		54	55	56
Đáp án	C	C	C		B	B	B
Câu	57	58	59		60	61	62
Đáp án	A	B	B		B	B	D

BÀI 14: CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG AN NINH

Câu 1: Nền quốc phòng và an ninh nước ta là

- A. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân
- B. Nền quốc phòng toàn dân vững mạnh
- C. Nền quốc phòng và an ninh nhân dân
- D. Nền quốc phòng khu vực

Câu 2: Lực lượng nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc là

- A. Đảng và Nhà nước
- B. Toàn dân
- C. Đảng, Nhà nước và nhân dân
- D. Quân đội nhân dân, công an nhân dân

Câu 3: Kết hợp quốc phòng với an ninh, đó là kết hợp sức mạnh của

- A. Lực lượng và thể trận quốc phòng với lực lượng và thể trận an ninh
- B. Lực lượng quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân
- C. Lực lượng quốc phòng an ninh
- D. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân

Câu 4: Pháp luật quy định củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của

- A. Công an nhân dân
- B. Quân đội nhân dân
- C. Toàn dân
- D. Công dân

Câu 5: Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong các nội dung của chính sách?

- A. Dân số
- B. Văn hóa
- C. Quốc phòng và an ninh
- D. Đối ngoại

Câu 6: nội dung nào dưới đây đúng khi nói về sức mạnh dân tộc?

- A. Sức mạnh của văn hóa tinh thần và vật chất của dân tộc
- B. Sức mạnh của khoa học và công nghệ
- C. Sức mạnh của hệ thống chính trị
- D. Sức mạnh của quân sự

Câu 7: Yếu tố có ý nghĩa quyết định sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc là ?

- A. Sức mạnh dân tộc
- B. Sức mạnh thời đại
- C. Sức mạnh của Đảng và Nhà nước
- D. Sức mạnh của quốc phòng, an ninh

Câu 8: Việc làm nào dưới đây không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?

- A. Đăng kí nghĩa vụ khi đến tuổi
- B. Không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ
- C. Tham gia tập luyện quân sự ở trường học
- D. Tham gia tuần tra ban đêm ở địa bàn dân cư

Câu 9: Kết hợp kinh tế- xã hội với quốc phòng, an ninh là

- A. Thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- B. Các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá Nhà nước
- C. Nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội
- D. Các thế lực đang thực hiện âm mưu “ diễn biến hòa bình”

Câu 10: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với chiến lược quốc phòng và an ninh là biểu hiện của

- A. Kết hợp kinh tế - xã hội với lực lượng quốc phòng
- B. Kết hợp kinh tế - xã hội với an ninh nhân dân
- C. Kết hợp kinh tế - xã hội với thể trận an ninh
- D. Kết hợp kinh tế - xã hội với an ninh, quốc phòng

Câu 11: Anh B tích cực tham gia hoạt động bảo vệ an ninh tại nơi cư trú. Điều này thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của công dân?

- A. Nêu cáo tinnh thần cảnh giác trước mọi thủ đoạn của kẻ thù
- B. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân
- C. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự
- D. Sẵn sàng tham gia các hoạt động an ninh và quốc phòng

Câu 12: Ông A là cán bộ xã nhưng ông lại không muốn con trai mình pahir thực hiện đăng lí nghĩa vụ quân sự. Nếu là người thân trong gia đình ông A, em sẽ khuyên ông A như thế nào?

- A. Chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự
- B. Nên cho con đi học để không phải tham gia nghĩa vụ quân sự
- C. Gặp ban chỉ huy quân sự huyện giúp đỡ
- D. Không đăng kí nghĩa vụ quân sự

Câu 13: Anh trai của T có giấy gọi nhập ngũ, nhưng bố mẹ của T không muốn con đi bộ đội nên đã bàn với nhau tìm cách xin cho anh ở lại. Biết được điều này, T nên ứng xử theo cách nào dưới đây để thực hiện trách nhiệm công dân của mình?

- A. Coi như không biết vì đây là việc của bố mẹ

- B. Nói chuyện với bố mẹ để bố mẹ hiểu được trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của công dân
 C. Đồng ý với việc làm đó của bố mẹ
 D. Tìm cách ngăn cản việc làm của bố mẹ

Câu 14: Anh A có hành vi câu kết với người nước ngoài, phát tán tài liệu nói xấu Nhà nước. Hành vi của anh A là

- A. Phản bội Tổ quốc
 B. Lật đổ chính quyền nhân dân
 C. Xâm phạm an ninh quốc gia
 D. Cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài

Câu 15: H tình cờ phát hiện một nhóm người lợi dụng việc góp ý sửa đổi Hiến pháp để tuyên truyền chống phá Nhà nước. H cần chọn cách làm nào dưới đây?

- A. Không quan tâm vì đó là việc của người lớn
 B. Khuyên họ không nên tuyên truyền
 C. Bí mật theo dõi
 D. Báo cáo cơ quan công an

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	D	A	C	C	A	A
Câu	8		9		10		11
Đáp án	B		A		D		D
Câu	12		13		14		15
Đáp án	A		B		A		D

BÀI 15: CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Câu 1: Chính sách đối ngoại có vai trò

- A. Tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới đất nước.
 B. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội
 C. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
 D. Nâng cao vị thế nước ta trên thế giới

Câu 2: Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện theo nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Tôn trọng, độc lập, tự do, bình đẳng
 B. Bình đẳng, tự do, tự nguyện
 C. Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi
 D. Chủ động, tích cực, trách nhiệm

Câu 3: Một trong những phương hướng của chính sách đối ngoại ở nước ta là

- A. Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

- B. Nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới
- C. Tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- D. Nâng cao tinh thần, tự chủ trong quan hệ quốc tế

Câu 4: Một trong những nhiệm vụ của chính sách đối ngoại ở nước ta là

- A. Giữ vững môi trường hòa bình
- B. Chủ động tạo ra môi quan hệ quốc tế thuận lợi để đưa đất nước ta hội nhập
- C. Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại
- D. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

Câu 5: Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại là nhằm

- A. Tích cực tham gia vào các diễn đàn và hoạt động của thế giới
- B. Sẵn sàng đối thoại với các nước về vấn đề kinh tế
- C. Mở rộng hợp tác về kinh tế
- D. Phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

Câu 6: Việt Nam tích cực tham gia vào các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới là nội dung của

- A. Tăng cường quan hệ với các đảng phái, tổ chức chính trị thế giới
- B. Mở rộng quan hệ đối ngoại
- C. Phát triển công tác đối ngoại nhân dân
- D. Chủ động tham gia vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực

Câu 7: Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APFC) năm

- | | | | |
|---------|---------|---------|---------|
| A. 1996 | B. 1997 | C. 1998 | D. 1999 |
|---------|---------|---------|---------|

Câu 8: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm

- | | | | |
|---------|---------|---------|---------|
| A. 1995 | B. 1996 | C. 1997 | D. 1998 |
|---------|---------|---------|---------|

Câu 9: Việt Nam không là thành viên của tổ chức nào dưới đây?

- | | | | |
|--------|-------|--------|--------|
| A. FAO | B. EU | C. WTO | D. WHO |
|--------|-------|--------|--------|

Câu 10: WTO là tên viết tắt của tổ chức nào dưới đây ?

- A. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc
- B. Tổ chức Thương mại Thế giới
- C. Tổ chức Y tế Thế giới
- D. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ

Câu 11: Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ năm

- | | | | |
|---------|---------|---------|---------|
| A. 1990 | B. 1995 | C. 1997 | D. 2000 |
|---------|---------|---------|---------|

Câu 12: Mục tiêu đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại là

- A. Thu hút vốn nước ngoài, chuyển giao khoa học và công nghệ tiên tiến
- B. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- C. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế
- D. Đưa nước ta hội nhập với thế giới

Câu 13: Quan điểm của nước ta trong chính sách đối ngoại là

- A. Đoàn kết hữu nghị, hợp tác và bình đẳng
- B. Đoàn kết, hợp tác, công bằng và bình đẳng
- C. Hợp tác, công bằng, dân chủ và văn minh
- D. Hợp tác, dân chủ, văn minh và tiến bộ

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	D	C	A	A	D	C	C
Câu	8	9	10	11	12	13	
Đáp án	A	B	B	B	A	A	